

STT	Đơn vị	Tổng số cơ sở nhà, đất do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định	Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý*							Số cơ sở nhà, đất còn phải sắp xếp lại, xử lý theo quy định**			
				Tổng số	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Chuyển mục đích	Phương án khác	Tổng số	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã kiểm tra hiện trạng	Số cơ sở nhà, đất đã lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
I	2	3	4	5=6+7+8+9+10+11	6	7	8	9	10	11	12=4-5	13	14	15
24	Liên hiệp hội tỉnh Kon Tum	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1
27	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hội Nông dân tỉnh	2	2	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0
29	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Trường Cao đẳng Kon Tum	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Trường Chính trị	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
32	BQL Khu kinh tế tỉnh	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Ban Quản lý Khai thác các công trình thủy lợi (nay là Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi KonTum)	8	8	8	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Quỹ phát triển đất tỉnh	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	KHỐI HUYỆN	1.593	1.593	1.572	1.479	2	60	22	0	9	21	15	13	9
1	Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum	200	200	200	181	0	9	10	0	0	0	0	0	0
2	Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai	31	31	27	27	0	0	0	0	0	4	4	4	0
3	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà	239	239	238	238	0	0	0	0	0	1	1	1	1
4	Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông	167	167	167	156	2	0	0	0	9	0	0	0	0
5	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô	140	140	140	131	0	9	0	0	0	0	0	0	0
6	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi	124	124	124	79	0	41	4	0	0	0	0	0	0
7	Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông	228	228	228	228	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei	170	170	161	160	0	1	0	0	0	9	3	3	3
9	Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy	142	142	140	132	0	0	8	0	0	2	2	0	0
10	Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy	152	152	147	147	0	0	0	0	0	5	5	5	5
B	KHỐI DOANH NGHIỆP	49	49	25	22	0	0	0	0	3	24	4	0	0
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	8	8	1	1	0	0	0	0	0	7	4	0	0
3	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	5	5	3	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0

STT	Đơn vị	Tổng số cơ sở nhà, đất do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định	Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý*							Số cơ sở nhà, đất còn phải sắp xếp lại, xử lý theo quy định**			
				Tổng số	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Chuyển mục đích	Phương án khác	Tổng số	Số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã kiểm tra hiện trạng	Số cơ sở nhà, đất đã lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7+8+9+10+11</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12=4-5</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>
4	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plong	8	8	8	7	0	0	0	0	1	0	0	0	0
5	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô	11	11	3	2	0	0	0	0	1	8	0	0	0
6	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Glei	7	7	4	4	0	0	0	0	0	3	0	0	0
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	6	6	4	3	0	0	0	0	1	2	0	0	0
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	3	3	1	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0
		2.000	2.000	1.950	1.818	3	80	36	0	13	50	21	14	11

Ghi chú: *Cột (3): Các cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP);*

Cột (4): Các cơ sở nhà, đất thuộc đối tượng ở cột (3) và thuộc phạm vi nhà, đất phải sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP);

Cột (13): Số cơ sở nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng thuộc đối tượng và phải sắp xếp đã kê khai, báo cáo;

Cột (16) Áp dụng đối với nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc trung ương quản lý;

** Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý là số lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 (bao gồm có các cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg);*

*** Số cơ sở nhà, đất còn phải sắp xếp lại theo quy định là các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý ở cột 4 và chưa được cơ quan người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý.*